

Số: 229/2024/QĐST-HNGĐ

P, ngày 16 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 150, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 239/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự

-Bà **Huỳnh Dương Thị Minh N**, sinh năm 1987

HKTT: 4 P, phường P, Tp P, tỉnh Bình Thuận

Nơi cư trú: B - T, Tp P, tỉnh Bình Thuận

-Ông **Trần Công T**, sinh năm 1984

HKTT: 111 N, H, TT . C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Trần Công T và bà Huỳnh Dương Thị Minh N đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 15/7/2022. Nay ông T, bà N xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Công T và bà Huỳnh Dương Thị Minh N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Trần Huỳnh Minh T1, sinh ngày 22/9/2018 và Trần Huỳnh Thiên N1, sinh ngày 26/5/2023. Ông bà thỏa thuận giao 02 con là Minh T1 và Thiên N1 cho bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 10 (mười) triệu đồng.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn ông T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Công T và bà Huỳnh Dương Thị Minh N nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Ngày 02/10/2024 ông T, bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002075 tại Chi cục thi hành án thành phố Phan Thiết. Ông T, bà N đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 2, 6, 7, 7A, 9, 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp.Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Quốc Trí

